

DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 10/06/2020

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	18000712	Lê Tuấn	Anh	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
2	18002547	Đỗ Chí	Bảo	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
3	18005280	Nguyễn Văn	Cường	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
4	18000967	Phan Chí	Cường	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
5	18000103	Nguyễn Đức	Đại	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
6	18000360	Tô Võ Hải	Đăng	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
7	18000792	Lê Quốc	Đạt	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
8	18002620	Phạm Đỗ Việt	Đạt	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
9	18000069	Đỗ Vũ Phương	Đông	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
10	18001220	Lê Đỗ Ngọc	Dũng	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
11	18000086	Đỗ Thế	Hiền	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
12	18005446	Trương Đăng Huy	Hoàng	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
13	18000872	Hà Mạnh	Hùng	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
14	18001329	Võ Đại	Hưng	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
15	18000280	Nguyễn Gia	Huy	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
16	18003438	Võ Trần Minh	Huy	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
17	18002617	Trần Trường	Khải	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
18	18004303	Liêu Chí	Khang	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
19	18001314	Nguyễn Dương Hoàng	Khang	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
20	18000155	Huỳnh Tuấn	Kiệt	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
21	18004198	Bùi Hữu	Lợi	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
22	18000175	Đinh Hòa	Long	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
23	18003386	Huỳnh Văn	Lượng	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
24	18000697	Đặng Hoàng	Nghĩa	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
25	18000623	Hoàng Tùng	Phát	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
26	18001478	Huỳnh Nhật Tấn	Phát	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
27	18003041	Nguyễn Tấn	Phát	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
28	18000847	Phạm Quang	Phú	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
29	18001326	Dương Hữu	Tài	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
30	18001527	Nguyễn Hoàng	Tâm	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
31	18000723	Lê Ngọc	Thạch	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
32	18000162	Phạm Văn	Thắng	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
33	18004211	Đỗ Nguyễn Công	Thành	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
34	18001030	Nguyễn Trường	Thành	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
35	18000564	Phạm Thuận	Thiên	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
36	18000846	Huỳnh Bảo Quốc	Thịnh	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
37	18000831	Bùi Ngọc	Tín	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
38	18001247	Nguyễn Đức	Trí	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
39	18000240	Lê Hữu	Trung	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
40	18000423	Phan Nguyễn Nhật	Trường	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
41	18000672	Lê Anh	Tuấn	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
42	18004879	Lê Quang	Tuấn	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
43	18001113	Phạm Minh	Tuấn	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
44	18000081	Nguyễn Hoàng Quốc	Việt	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	
45	18000551	Trần Hoàng	Việt	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
46	18000134	Phan Long	Vũ	18T4-ĐCN1	6,396,000	140,000	6,536,000	